

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **145/2021/DS-ST**

Ngày 28-9-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thuý Hà.

2. Bà Lý Thị Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2020/TLST-DS, ngày 24 tháng 12 năm 2020, về việc *Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn điện máy H;

Người đại diện theo pháp luật bà **Trần Thị Thuý H** - Chức vụ Giám đốc.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 14, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn 02, xã Kim Phú, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Biên bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, đại diện nguyên đơn bà Trần Thị Thuý H trình bày: Anh Đặng Văn T trước đây là người bán hàng của Công ty trách nhiệm hữu hạn điện máy H do tôi làm Giám đốc, nên có thường lấy vật tư điện dân dụng của Công ty để đi bán cho khách hàng sau đó trả tiền mua vật tư điện dân dụng cho Công ty. Đến ngày 30/8/2018 sau nhiều lần anh T nhận vật tư điện dân dụng của Công ty nhưng không trả tiền, nên Công ty và anh T lập biên bản chốt nợ thì anh T nợ Công ty tiền vật tư điện dân dụng là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) và phát sinh nợ thêm nợ tiền vật tư điện dân dụng của Công ty là 15.012.000

đồng (Mười lăm triệu không trăm mười hai nghìn đồng), tổng cộng anh T nợ Công ty là 185.012.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu không trăm mười hai nghìn đồng). Sau khi ký nhận nợ, đến ngày 30/9/2018 anh T trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); ngày 30/11/2018 anh T trả tiếp 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), còn 175.012.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu không trăm mười hai nghìn đồng) đến nay anh T chưa trả cho Công ty.

Khi Công ty và anh T chốt nợ thì hai bên có lập Giấy xác nhận công nợ ngày 30/8/2018 thì anh T có ký nhận nợ và ghi nhận nợ cụ thể, do vậy chữ ký và chữ viết tay bên dưới của Giấy xác nhận công nợ đề ngày 30/8/2018 là do chính tay anh T ký và viết lên. Đối với Biên bản thoả thuận trả lãi công nợ tiền hàng đề ngày 05/6/2018 anh T có ký và viết tên dưới chữ bên nhận nợ; toàn bộ hai giấy trên bản gốc do tôi giữ và đã giao nộp cho Tòa án làm căn cứ giải quyết.

Do anh T còn nợ tiền mua vật tư điện dân dụng của Công ty trách nhiệm hữu hạn điện máy H do tôi làm Giám đốc, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T có trách nhiệm trả tiền vật tư điện dân dụng còn nợ của Công ty trách nhiệm hữu hạn điện máy H là 175.012.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu không trăm mười hai nghìn đồng) gốc và trả lãi suất 1%/tháng theo Biên bản thoả thuận trả lãi công nợ tiền hàng hai bên đã ký kết ngày 05/6/2018, và tôi nhất trí chỉ tính lãi kể từ ngày 01/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm và anh T phải hoàn trả lại tôi số tiền chi phí giám định chữ viết, chữ ký của anh T là 3.630.000 đồng (Ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng). Ngoài ra tôi không yêu cầu giải quyết nội dung gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, về tài liệu, chứng cứ đương sự cung cấp cho Tòa án.

Bà H cung cấp:

- 01 bản gốc Giấy xác nhận công nợ gốc đề ngày 30/8/2018 với nội dung Đặng Văn T nợ 185.012.000 đồng (Một trăm tám mươi năm triệu không trăm mười hai nghìn đồng).

- 01 bản gốc Biên bản thoả thuận trả tiền lãi công nợ tiền hàng đề ngày 05/6/2018 mang tên bên cho nợ Trần Thị Thuý H, bên nợ Đặng Văn T.

- 01 bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn điện máy H.

- 04 Bản phô tô Công văn của Trung tâm pháp luật và hỗ trợ doanh nghiệp gửi Đặng Văn T - Địa chỉ: Xóm 02, xã Kim Phú, huyện Yên Sơn (nay là thành phố T), tỉnh Tuyên Quang.

- 01 Bản phô tô có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị Thuý H.

Anh T không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Toà án đã tiến hành thu thập chứng cứ gồm:

Do triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do; xác minh tại nơi cư trú được biết anh T không có mặt tại gia đình và địa phương, nên không lấy được ý kiến của anh T, do vậy Tòa án Quyết định trưng cầu giám định số 05/QĐ-TCGD ngày 15/7/2021 về chữ viết, chữ ký của anh Đặng Văn T để làm căn cứ giải quyết vụ án theo pháp luật.

- Kết luận giám định số 677/GĐ-KTHS ngày 26/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Chữ ký “Tiến”, chữ viết ghi tên “Đặng Văn T”

và chữ viết tay bằng mực màu xanh trên mẫu cần giám định ký hiệu C1 (trừ chữ ký dưới mục “Bên cho nợ”; chữ viết “Đã nhận 5 triệu đồng (năm triệu đồng)” và chữ ký không ghi họ tên bằng mực màu đen ở mặt sau); chữ ký “Tiến”, chữ viết ghi tên “Đặng Văn T” dưới mục “Bên nợ” trên mẫu cần giám định ký hiệu C2 với chữ viết, chữ ký đứng tên Đặng Văn T trên các mẫu so sánh ký hiệu D1, D2 (trừ chữ viết, chữ số tại các mục “3.Số:”, “18. Dấu vết riêng và dị hình”, “20....., ngày.....tháng.....năm 20.....”); chữ ký “Tiến” dưới mục “NGƯỜI KHAI KÝ TÊN” trên mẫu so sánh ký hiệu D3, D4 là do cùng một người viết và ký.

- 01 Giấy biên nhận thu tiền bồi dưỡng giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, đề ngày 26/7/2021, với số tiền là 3.630.000 đồng (Ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng).

- Toà án xác minh tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang, được biết mức lãi suất cơ bản đồng Việt Nam từ năm 2010 đến nay được quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 9%/năm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đã triệu tập hợp lệ nhiều lần anh Đặng Văn T đến Tòa án để tham gia tố tụng, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, nên không lấy được ý kiến của anh T và không tiến hành hoà giải cho các bên đương sự được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân thành phố T, thụ lý và giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về *Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách đương sự, và tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng trình tự của pháp luật quy định. Các phần tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định; ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn là anh T chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào các Điều 357; 430; 440 của Bộ luật dân sự. Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; 160; 207; 227; 228; 235; 238; 264; 266; 267; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ đơn và nội dung yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn điện máy H do bà Trần Thị Thuý H - Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

- Buộc anh Đặng Văn T có trách nhiệm trả tiền tiền vật tư điện dân dụng còn nợ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn điện máy H là 175.012.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu không trăm mười hai nghìn đồng) và lãi suất 1%/tháng, kể từ ngày 01/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Buộc anh Đặng Văn T có trách nhiệm hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn điện máy H toàn bộ số tiền chi phí giám định chữ viết, chữ ký của anh T là 3.630.000 đồng (Ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng).

Khoản tiền phải trả trên, nếu anh T chậm thi hành án dân sự thì phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật.

- Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền gốc và lãi còn nợ tiền mua vật tư điện theo quy định của pháp luật. Công ty trách nhiệm hữu hạn điện máy H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn điện máy H tiền án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

[1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, thấy rằng anh Đặng Văn T trước đây là người bán hàng của Công ty trách nhiệm hữu hạn điện máy H, nên có nhiều lần mua chịu vật tư điện dân dụng để đi bán cho khách hàng sau đó trả tiền mua vật tư điện dân dụng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn điện máy H. Sau nhiều lần anh T nhận vật tư điện dân dụng của Công ty, nhưng không trả tiền, nên ngày 30/8/2018 Công ty và anh T lập biên bản chốt nợ thì anh T nợ Công ty tiền vật tư điện dân dụng là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) và phát sinh thêm nợ tiền vật tư điện dân dụng là 15.012.000 đồng (Mười lăm triệu không trăm mười hai nghìn đồng), tổng cộng anh T nợ Công ty là 185.012.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu không trăm mười hai nghìn đồng). Sau khi ký nhận nợ, đến ngày 30/9/2018 anh T trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); ngày 30/11/2018 anh T trả tiếp 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), còn 175.012.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu không trăm mười hai nghìn đồng) anh T chưa trả cho Công ty, do vậy bà Trần Thị Thuý H - Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc anh T trả đủ tiền gốc và lãi theo quy định. Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xét thấy đây là vụ án dân sự về việc *Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, theo khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

[2] Căn cứ vào bản gốc Giấy xác nhận công nợ gốc đề ngày 30/8/2018 với nội dung Đặng Văn T nợ bà Trần Thị Thuý H 185.012.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu không trăm mười hai nghìn đồng), sau đó 02 lần anh T trả nợ được 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), còn nợ lại 175.012.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu không trăm mười hai nghìn đồng); bản gốc Biên bản thoả thuận trả tiền lãi công nợ tiền hàng đề ngày 05/6/2018 mang tên bên cho nợ Trần Thị Thuý H, bên nợ Đặng Văn T. Căn cứ Biên bản ghi lời khai của bà H có lưu trong hồ sơ vụ án thì bà H yêu cầu anh T có trách nhiệm trả cho Công ty Công ty trách nhiệm hữu hạn điện máy H là 175.012.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu không trăm mười hai nghìn đồng) và lãi suất 1%/tháng, kể từ ngày 01/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/9/2021 là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đơn và nội dung khởi kiện

của Công ty trách nhiệm hữu hạn điện máy H theo các Điều 357; 430; 440 của Bộ luật dân sự quy định. Cụ thể được tính toán như sau:

Từ ngày 01/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/9/2021 là 1.033 ngày.

$175.012.000 \text{ đồng gốc} \times 12\%/\text{năm} \times 1.033 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 59.436.952 \text{ đồng}$
(Năm mươi chín triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm năm hai đồng) tiền lãi.

Tổng cộng $175.012.000 \text{ đồng tiền gốc} + 59.436.952 \text{ đồng tiền lãi} = 234.448.952 \text{ đồng}$ (Hai trăm ba mươi tư triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm năm hai đồng) là số tiền gốc và lãi anh T phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn điện máy H.

[4] Do bà H là đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn điện máy H yêu cầu trung cầu giám định chữ viết, chữ ký của anh T làm căn cứ giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật, nên buộc anh T có trách nhiệm hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn điện máy H toàn bộ số tiền chi phí giám định chữ viết, chữ ký của anh T là 3.630.000 đồng (Ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng) theo Điều 160 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Hai khoản tiền phải trả trên, nếu anh T chậm thi hành án dân sự thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[5] Đối với bị đơn anh Đặng Văn T quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Do vậy, không lấy được ý kiến của anh T; không tiến hành hoà giải được cho hai bên đương sự và anh T thuộc trường hợp cố tình che giấu địa chỉ, nên giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn điện máy H được chấp nhận toàn bộ đơn và nội dung khởi kiện, nên anh T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tổng số tiền gốc và lãi phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn điện máy H là 234.448.952 đồng (Hai trăm ba mươi tư triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm năm hai đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công ty trách nhiệm hữu hạn điện máy H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[7] Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt bà H, anh T theo Điều 227; 228; 238 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357; 430; 440 của Bộ luật dân sự. Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; 160; 207; 227; 228; 235; 238; 264; 266; 267; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Buộc anh Đặng Văn T có trách nhiệm trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn điện máy H tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 234.448.952 đồng (Hai trăm ba mươi tư triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm năm hai đồng); trong đó 175.012.000 đồng (Một trăm bảy mươi năm triệu không trăm mười hai nghìn đồng) là tiền gốc và 59.436.952 đồng (Năm mươi chín triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm năm hai đồng) là tiền lãi.

- Buộc anh Đặng Văn T có trách nhiệm hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn điện máy H toàn bộ số tiền 3.630.000 đồng (Ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng) chi phí giám định chữ viết, chữ ký của anh Đặng Văn T.

Tổng cộng hai khoản tiền anh Đặng Văn T có trách nhiệm trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn điện máy H là 238.078.952 đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu không trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm năm hai đồng).

Khoản tiền phải trả trên, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí: - Anh Đặng Văn T phải chịu 11.722.447 đồng (Mười một triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm bốn bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn điện máy H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn điện máy H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.388.337 đồng (Năm triệu ba trăm tám mươi tám nghìn ba trăm ba bảy đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000798 ngày 24/12/2020, của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

3. Quyền kháng cáo: Công ty trách nhiệm hữu hạn điện máy H, bà Trần Thị Thuý H và anh Đặng Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn

